

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
Tỉnh Thái Nguyên

Số: 10/2001/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 01 năm 2001

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 4
(Từ ngày 11 tháng 01 năm 2001 đến ngày 13 tháng 01 năm 2001)

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán và phân bổ ngân sách năm 2001

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ vào Điều 120, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 1992).

Căn cứ vào Điều 11, Luật tổ chức HĐND và UBND (Sửa đổi).

Căn cứ vào Điều 25, Luật ngân sách nhà nước; Luật sửa đổi, bổ xung một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Sau khi xem xét báo cáo của UBND tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách của tỉnh năm 2001, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND tỉnh, ý kiến của các vị đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ

I- Thông qua dự toán và phân bổ ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2001 với những chỉ tiêu chủ yếu sau:

1- Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh: 185.000 triệu đồng.

Tổng thu trong cân đối NSNN (không kể các khoản ghi thu, ghi chi) là: 165.000 triệu đồng

2- Tổng chi ngân sách Nhà nước: 495.920 triệu đồng.

2.1/ Ngân sách tỉnh chi: **383.055 triệu đồng¹**.

+ Trong đó: Chi cho hoạt động của HĐND tỉnh: **500 triệu đồng**.

2.2/ Ngân sách huyện chi: **112.865 triệu đồng** (Kể cả ghi thu, ghi chi)
(Có các phụ lục số 01,02 và 03 kèm theo)

HĐND tỉnh giao cho UBND tỉnh xem xét và quyết định việc phân bổ ngân sách cho các đơn vị thụ hưởng ngân sách thuộc tỉnh quản lý, mức bổ sung ngân sách tỉnh cụ thể cho từng huyện, thành, thị trong tỉnh.

Chủ tịch HĐND tỉnh chỉ đạo thực hiện việc sử dụng kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh theo luật NSNN.

II- Thông qua các biện pháp thực hiện dự toán ngân sách tỉnh năm 2001 do UBND tỉnh trình. HĐND tỉnh nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1/ Triệt để khai thác các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo qui định của pháp luật, kiên quyết chống thất thu, trốn thuế, buôn lậu, gian lận thương mại; Hạn chế nợ đọng thuế ở tất cả các khu vực; Phấn đấu đạt và vượt dự toán thu để tạo nguồn bổ xung cho đầu tư phát triển, tăng kinh phí cho việc thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, đáp ứng cho nhu cầu chi đột xuất phát sinh và tăng dự phòng ngân sách.

2/ Thực hiện triệt để tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách, trong các đơn vị hành chính, các doanh nghiệp và dân cư. Giảm chi tiêu dùng để tăng nguồn cho đầu tư phát triển. Quản lý chặt chẽ chi tiêu ngân sách ngay từ đầu năm, cả trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản cũng như chi thường xuyên, đặc biệt là chi quản lý hành chính. Nâng cao hiệu lực công tác kiểm soát chi ngân sách nhà nước, đảm bảo sử dụng ngân sách tiết kiệm, có hiệu quả. Xử lý nghiêm các vi phạm đã được các cơ quan thanh tra, kiểm tra kết luận.

3/ Thực hiện đầy đủ qui định về công khai ngân sách, sự giám sát của các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân đối với các khoản thu, chi ngân sách, nhất là việc thực hiện các chế độ, định mức chi tiêu, mua sắm, xây dựng trụ sở... và việc huy động, sử dụng nguồn đóng góp của nhân dân. Tập trung các nguồn lực để thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo, tạo việc làm mới. Ưu tiên cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã nghèo đặc biệt khó khăn. Tập trung vốn cho nông nghiệp, các công trình hạ tầng cơ sở ở nông thôn; Phát triển và nâng cao chất lượng các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công

¹ Chưa tính khoản chi bổ xung cho ngân sách cấp huyện.

nghệ và môi trường, y tế, văn hoá xã hội trên cơ sở đầu tư từ nguồn ngân sách và huy động tối đa các nguồn nội lực của toàn xã hội.

Tăng cường việc phân cấp thu, chi ngân sách cho cấp huyện và cấp xã theo Luật Ngân sách nhà nước. Cải tiến qui trình cấp phát, quản lý chi NSNN theo hướng giảm các khâu, đầu mối trung gian nhưng vẫn quản lý NSNN chặt chẽ, hiệu quả, tiết kiệm. Thực hiện tốt Qui chế dân chủ ở cơ sở, ở cơ quan, xí nghiệp trong việc thực hiện công khai thu, chi tài chính ở cơ quan, đơn vị.

III- HĐND tỉnh giao cho UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2001 tại địa phương.

IV- Giao cho Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện dự toán và phân bổ ngân sách năm 2001 của tỉnh. Ban Pháp chế, Ban Dân tộc, Ban Văn hoá Xã hội của HĐND tỉnh, các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện dự toán và phân bổ ngân sách trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Thái Nguyên khoá X, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13 tháng 01 năm 2001.

Nơi nhận

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban TV Tỉnh uỷ;
- UBND tỉnh TN;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH đơn vị tỉnh TN;
- TT UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh TN
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành, thị trong tỉnh
- Lưu: VP-THHĐ. *l*
- Ch.200

CHỦ TỊCH HĐND TỈNH THÁI NGUYÊN



Hứa Đức Nhị

Phụ lục số 01



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tỉnh Thái Nguyên năm 2001

Đơn vị: Triệu đồng

THU	SỐ TIỀN	CHI	SỐ TIỀN
Tổng số thu	<u>495.920</u>	Tổng số chi	<u>495 920</u>
A- Thu trong cân đối	475.920	A- Chi trong cân đối	475 920
1/ Các khoản thu điều tiết	156.110	1- Chi đầu tư phát triển	60 590
2/ Thu bổ xung từ ngân sách TW	308.560	2- Chi bằng nguồn thu để lại	26 300
3/ Vốn thiết bị nước ngoài	11.250	3- Chi hỗ trợ doanh nghiệp công ích + dự án	2 000
		4- Chi thường xuyên	371 250
B- Các khoản thu quản lý qua NSNN	20.000	5- Chi bổ xung quỹ dự trữ tài chính	1 000
		6- Dự bị phí	14 780
		B- Các khoản chi quản lý qua ngân sách	20 000

280

149

52

Phụ lục 02



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2001

281

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	CHỈ TIÊU	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2001											
		tổng thu	Khối tỉnh	khối huyện	Trong đó chia ra các huyện								
					Thành phố	Huyện Phổ yên	Huyện Phú bình	Thị xã S. công	Huyện Đ. Hỷ	Huyện Đại Từ	Huyện Ph. Lưon	Huyện Võ Nhai	Huyện Định Hoá
	Tổng thu NSNN	185 000	102 273	82 727	31 740	8 054	6 637	3 854	7 461	12 175	5 974	2 594	4 238
A	các khoản thu cân đối NSN	165 000	102 273	62 727	28 440	5 054	4 137	2 354	4 661	9 175	4 274	1 944	2 688
1	XNQD Trung ương	58 333	57 523	810	200	150	70	120	100	50	50	20	50
2	XNQD địa phương	10 600	10 600										
3	XN có vốn ĐT nước ngoài	7 500	7 500										
4	Thuế CTN NQD	29 084	6 500	22 584	12 250	1 526	520	546	1 516	3 810	1 041	725	650
5	Thu lệ phí trước bạ	8 974	8 500	474	300	30	3	16	65	35	10	10	5
6	Thu thuế SDĐ Nông nghiệp	14 423		14 423	1 250	1 938	2 830	505	1 400	2 800	1 750	550	1 400
7	Thuế Nhà đất	4 479		4 479	2 450	248	197	151	290	650	256	76	161
8	Thuế Thu nhập	650	650										
9	Thu từ Xổ số KT	750	750										
10	Thu Phí và Lệ phí	7 374	3 230	4 144	1 500	352	230	240	550	815	210	100	147
11	Thu thuế chuyển QSD Đ	1 200		1 200	860	80	5	50	100	45	25	25	10
12	Thu cấp quyền SD đất	7 510		7 510	6 000	200	100	300	170	250	300	120	70
13	Thu tiền thuế đất	3 160		3 160	2 500	87	12	166	130	140	82	18	25
14	Tiền thuế nhà thuộc SHNN	120		120				120					
15	Thu khác của NS	10 843	7 020	3 823	1 130	443	170	140	340	580	550	300	170
B	Thu quản lý qua NSNN	20 000		20 000	3 300	3 000	2 500	1 500	2 800	3 000	1 700	650	1 550

151

Phụ lục số 03



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Tỉnh Thái Nguyên năm 2001

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	DỰ TOÁN NĂM 2001	TRONG ĐÓ	
		NS TỈNH	NS HUYỆN
TỔNG CHI	<u>495 920</u>	<u>383 055</u>	<u>112 865</u>
A- Chi cân đối NSDP	<u>475 920</u>	<u>383 055</u>	<u>92 865</u>
<i>I- Chi XD CB tập trung</i>	60 590	60 590	
<i>II- Chi từ các nguồn thu được để lại theo quy định</i>	26 300	26 300	
<i>III- Chi hỗ trợ doanh nghiệp công ích + Dự án</i>	2 000	2 000	
<i>IV- Chi thường xuyên</i>	371 250	281 165	90 085
Chi trợ giá các mặt hàng chính sách	640	640	
Chi sự nghiệp kinh tế	32 320	19 000	13 320
Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	167 890	167 890	
Chi sự nghiệp Y tế (kể cả vốn TB Y tế 1.400 tr.đ)	35 900	35 900	
Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và môi trường	4 500	4 500	
Chi sự nghiệp Văn hoá - Thông tin	5 290	4 300	990
Chi sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình	3 970	2 900	1 070
Chi sự nghiệp Thể dục - Thể thao	2 900	2 160	740
Chi đảm bảo xã hội	10 425	8 410	2 015
Chi quản lý hành chính	55 245	30 895	24 350
Chi an ninh quốc phòng địa phương	4 620	2 300	2 320
Chi trợ cấp cân đối và trả xã các nguồn thu	43 660		43 660
Chi khác ngân sách	3 890	2 270	1 620
<i>V- Dự phòng</i>	14 780	12 000	2 780
<i>VI- Chi lập hoặc bổ xung quỹ Dự trữ TC</i>	1 000	1 000	
B- Chi quản lý qua NSNN	20 000		<u>20 000</u>